

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2024
“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tao Văn Xanh, ông Tấn Phàn Pao

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chử – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phan Thị S**, sinh năm: 1995 – *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **Bản N, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu**; Nơi ở hiện nay: **Bản P, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu**;

2. Bị đơn: anh **Lò Văn V**, sinh năm 1997 – *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **Bản P, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu**;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Phan Thị S** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh **Lò Văn V** có đăng ký kết hôn vào ngày 01/03/2018 tại Ủy ban nhân dân xã **L, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn tôi phát hiện chồng tôi hút thuốc phiện, cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Lò Văn V**.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Lò Xuân V1 – sinh ngày 26/10/2015 và cháu Lò Thị Thanh T – sinh ngày 14/02/2015 (cháu T là con nuôi của tôi và anh V, vợ chồng tôi đã làm thủ tục nhận cháu là con nuôi). Sau khi ly hôn ý kiến của hai cháu mong muốn ở với bố và ý kiến của anh Lò Văn V có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu nên tôi đồng ý để anh V nuôi cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi hai con chung do tôi đang đi làm ăn xa không có điều kiện kinh tế nên đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung vợ chồng tôi không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lò Văn V: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt và lấy lời khai của anh Lò Văn V. Anh viên đã có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày quan điểm về việc giải quyết hôn nhân với chị Phan Thị S. Anh V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Phan Thị S có đăng ký kết hôn vào ngày 01/03/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên tôi đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Lò Xuân V1 – sinh ngày 26/10/2015 và cháu Lò Thị Thanh T – sinh ngày 14/02/2015. Sau khi ly hôn Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu T và Viện.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không đề nghị chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Vợ, chồng tôi không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đơn khởi kiện của nguyên đơn (bản phô tô); Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.*

Về thủ tục Tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị **S** và anh **V** đã kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, sau kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn hiện nay không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **S**, tuyên xử cho chị được ly hôn với anh **V**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét nguyện vọng của bị đơn anh **V**. Nguyên đơn chị **S** nhất trí để anh **V** nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, xét nguyện vọng của hai con chung mong muốn được ở với bố nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại điều 58, điều 69, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Giao cả hai cháu **V1** và **T** cho bố là anh **Lò Văn V** chăm sóc, giáo dục. Chị **S** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị **S**, anh **V** không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: **Phan Thị S** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí dân sự về hôn nhân sơ thẩm cho chị **S**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Chị **Phan Thị S** nộp đơn về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, tại Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đối với anh **Lò Văn V**; địa chỉ: **bản P, xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Chị **S** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **Phan Thị S** phải được miễn án phí dân sự về hôn nhân sơ thẩm. Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn giữa chị **Phan Thị S**, anh **Lò Văn V** đều cư trú tại **xã L, huyện S, tỉnh Lai Châu** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Tòa án tổng đạt các văn bản cho **Lò Văn V**, anh **V** được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị **Phan Thị S** và anh **Lò Văn V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật, sau kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng không còn

quan tâm chăm sóc nhau nên không còn hạnh phúc, cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị **S** giải quyết cho chị được ly hôn với anh **V**.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **V**, chị **S** có hai con chung là cháu **Lò Xuân V1** – sinh ngày 26/10/2015 và cháu **Lò Thị Thanh T** – sinh ngày 14/02/2015. Sau khi ly hôn anh **V** có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu **T** và Viện, chị **S** nhất trí để anh **V** nuôi cả hai cháu, hai cháu **T**, Viện có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh **V**.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện Sìn Hồ tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Chị **Phan Thị S** là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị S**. Về quan hệ hôn nhân chị **Phan Thị S** được ly hôn với anh **Lò Văn V**.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh **V**, chị **S** có hai con chung là cháu **Lò Xuân V1** – sinh ngày 26/10/2015 và cháu **Lò Thị Thanh T** – sinh ngày 14/02/2015. Sau khi ly hôn giao cả hai cháu **T** và Viện cho anh **Lò Văn V** chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **V**, chị **S** không đề nghị xem xét nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **V**, chị **S** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Phan Thị S** được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Lùng Thàng, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

PHIÊN TÒA

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA